

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TH O, TP. HÀ NỘI**

Bản án số: **28/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 26/7/2022

V/v: *Chị D xin ly hôn anh T.*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TH O
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Vũ Phương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Nguyệt**.

Ông **Lê Huy Trọng**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông **Lê Việt Cường**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Th O, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Th O: Ông **Mai Lương Sơn** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Th O, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 112/2022/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022, về việc: *Tranh chấp ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 13/7/2022, giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Chị **Phan Thị D**, sinh năm 1993.

HKTT: thôn My D, xã Th M, huyện Th O, thành phố Hà Nội.

Chỗ ở: khu *, xóm V, xã L Nh, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ.

+ *Bị đơn:* Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1991.

HKTT: thôn My D, xã Th M, huyện Th O, thành phố Hà Nội.

Chị D và anh T vắng mặt đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn ly hôn và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Phan Thị D trình bày: Chị và anh Lê Văn T lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th M, huyện Th O, thành phố Hà Nội vào ngày 07/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về nhà ở thôn My D, xã Th M, huyện Th O, thành phố

Hà Nội sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian sau đó đến 2015 phát sinh mâu thuẫn là do không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Đến năm 2016 chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở khu 5, xóm Vũ Thôn, xã L Nh, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ sinh sống từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh T.

+ *Về con chung*: Vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Thuỳ Ch, sinh ngày 28/8/2012, con khoẻ mạnh hiện nay đang ở với bố và ông bà nội. Ly hôn chị để anh T nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng để anh T nuôi con.

+ *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có và không yêu cầu toà án giải quyết.

- **Bị đơn anh Lê Văn T** trình bày tại bản tự khai, với nội dung: anh và chị Phan Thị D lấy nhau tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th M, huyện Th O, thành phố Hà Nội vào ngày 07/02/2012. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại thôn My D, xã Th M, huyện Th O, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian sau đó đến 2015 phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, bất đồng quan điểm. Đến năm 2016 chị D chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở khu 5, xóm Vũ Thôn, xã L Nh, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ sinh sống từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng thực sự đã hết, sống ly thân đã nhiều năm nên anh cũng thống nhất ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh cũng thống nhất vợ chồng có 01 con chung Lê Thuỳ Ch, sinh ngày 28/8/2012, con khoẻ mạnh, đang ở cùng anh và bố mẹ anh tại thôn My D, xã Th M, huyện Th O, thành phố Hà Nội. Ly hôn anh có nguyện vọng được tiếp tục nuôi con. Vì cháu ở với anh từ nhỏ và có nguyện vọng được ở với anh; anh cũng đồng ý việc chị D cấp dưỡng 2.000.000đồng (hai triệu đồng)/tháng để anh nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: vợ chồng không có tài sản chung và vay nợ chung.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị D, bị đơn anh T đều vắng mặt và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Th O (Thẩm phán, Thư ký tòa án) đã thụ lý, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014: Chấp nhận yêu cầu của chị Phan Thị D, xử cho chị Phan Thị D được ly hôn anh Lê Văn T.

Về con chung đề nghị: Áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014, nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung Lê Thuỳ Ch, sinh ngày 28/8/2012, cũng như quyền lựa chọn được ở với bố nên quyết định giao cháu Ch cho anh T nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành hoặc có yêu cầu khác. Ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị D để anh T nuôi cháu Ch 2.000.000đồng/tháng, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thỏa thuận thay đổi khác. Chị D được quyền thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về thủ tục tố tụng: Chị Phan Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn anh Lê Văn T nên thuộc tranh chấp về *Ly hôn* theo khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Lê Văn T có hộ khẩu thường trú tại: thôn My D, xã Th M, huyện Th O, thành phố Hà Nội nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Th O, thành phố Hà Nội theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị Phan Thị D và anh Lê Văn T đều có bản tự khai và có đơn đề nghị toà án xét xử vắng mặt và cho vợ chồng anh chị được ly hôn. Nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để xét xử vắng mặt đối với cả nguyên đơn và bị đơn.

Xét nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Phan Thị D và anh Lê Văn T được xây dựng trên cơ sở tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Th M, huyện Th O, thành phố Hà Nội vào ngày 07/02/2012 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc một thời gian sau đó đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Đến năm 2016 chị D chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở khu 5, xóm Vũ Thôn, xã L Nh, huyện Th S, tỉnh Phú Thọ sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Vì vậy, căn cứ để xác định cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc và khả năng đoàn tụ vợ chồng không còn; vì lẽ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D đối với anh T là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Vợ chồng chị D và anh T có 01 con chung là Lê Thuỳ Ch, sinh ngày 28/8/2012. Con hiện nay do anh T chăm sóc, nuôi dưỡng và có đơn trình bày nguyện vọng xin được ở với anh T. Anh T cũng có nguyện vọng được nuôi con. Chị D đồng ý để anh T nuôi con và tự nguyện cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng để anh T nuôi con. Anh T đồng ý nuôi con và đồng ý chị D cấp dưỡng 2.000.000đồng/tháng để anh nuôi con. Nên ghi nhận sự tự nguyện cấp dưỡng của chị D để anh T nuôi cháu Ch 2.000.000đồng/tháng, việc cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thỏa thuận thay đổi khác.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 135; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phan Thị D.

Xử chị Phan Thị D được ly hôn anh Lê Văn T.

2. *Về con chung:* Giao anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con Lê Thuỳ Ch, sinh ngày 28/8/2012 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Ghi nhận tự nguyện của chị D cấp dưỡng để anh T nuôi cháu Ch 2.000.000đồng/tháng, việc cấp dưỡng kể từ tháng 8/2022 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc đến khi có thỏa thuận thay đổi khác.

Sau khi ly hôn chị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con và các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* Không có và không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0053825 ngày 23/6/2022 tại Ch cục thi hành án dân sự huyện Th O, thành phố Hà Nội. Chị D còn phải nộp tiếp 300.000 đồng án phí Dân sự cấp dưỡng nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn chị D và bị đơn anh T vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án và bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND TP Hà Nội ;
- VKSND huyện Th O;
- THA huyện Th O;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Vũ Phương

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Vũ Phương